

BIỂU MẪU 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HỒNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021- 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	- Đảm bảo nhu cầu năng lượng của trẻ tại trường Nhà trẻ đạt 60-70% nhu cầu cả ngày (Từ 600-651 Kcal) theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT. - Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. - Trẻ SDD thể nhẹ cân và thấp còi dưới 1 %.	-Đảm bảo nhu cầu năng lượng của trẻ tại trường Nhà trẻ đạt 50-55% nhu cầu cả ngày (Từ 615-726 Kcal) theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT. -Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. - Trẻ SDD thể nhẹ cân và thấp còi dưới 1 %.
II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	Trẻ phát triển các lĩnh vực phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi. Có 90% - 95% trẻ thực hiện tốt. I. VỀ THỂ CHẤT - Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa	Trẻ phát triển các lĩnh vực phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm và kỹ xã hội, phát triển thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi 95%. Có 98% trẻ thực hiện tốt. I. VỀ THỂ CHẤT - Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

	tuổi. - Khám sức khỏe, tẩy giun 2 lần/năm. Xoá 80% cháu suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ béo phì. Tích cực phòng dịch, phòng tránh các bệnh thường gặp. - Giúp trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi (phát triển các nhóm cơ và hô hấp). - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. - Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn. II. VỀ NHẬN THỨC - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ, diễn đạt hiểu biết bằng câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.	- Khám sức khỏe, tẩy giun 2 lần/năm. Xoá 80 % cháu suy dinh dưỡng, giảm tỉ lệ trẻ béo phì. Tích cực phòng dịch, phòng tránh các bệnh thường gặp. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. II. VỀ NHẬN THỨC - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
--	--	--

	III. VỀ NGÔN NGỮ - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. Hồn nhiên trong giao tiếp. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. IV. VỀ TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình...	III. VỀ NGÔN NGỮ - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết. IV. VỀ TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. V. VỀ THẨM MỸ - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.
--	--	---

III	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình Giáo dục mầm non Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi bổ sung một số nội dung bởi Thông tư số 51/2020/TT- BGDDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT- BGDDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Chương trình Giáo dục mầm non - Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi bổ sung một số nội dung bởi Thông tư số 51/2020/TT- BGDDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT- BGDDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Lớp 5-6 tuổi thực hiện chương trình giáo dục kết hợp với bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi (Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT).
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	1. Môi trường vật chất - Phòng ốc thoáng mát, đủ ánh sáng, có đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, ăn, ngủ, học tập và vui chơi cho trẻ. - Sĩ số học sinh/lớp vừa phải đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của cháu. - Trang trí lớp thẩm mỹ, và phù hợp với chủ đề giáo dục. - Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ, sắp xếp hợp lí, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục tiêu giáo dục. - Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo y.cầu qui định.	1. Môi trường vật chất - Phòng ốc thoáng mát, đủ ánh sáng, có đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, ăn, ngủ, học tập và vui chơi cho trẻ. - Sĩ số học sinh/lớp vừa phải đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của cháu. - Trang trí phòng lớp thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với chủ đề giáo dục. - Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ, sắp xếp hợp lí, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục tiêu giáo dục. - Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo y.cầu qui định. - Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt, mang tính mở, tạo

	- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt, mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên. - Có sân chơi và thiết bị chơi ngoài trời (trên lầu, dưới nhà) và các trò chơi với cát, đất, sỏi, nước. - Có bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây. 2. Môi trường xã hội - Môi trường chăm sóc giáo dục đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. - Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh. - Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của GV đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo. - Giáo viên đảm bảo có nghiệp vụ sư phạm, đạt và trên chuẩn đào tạo, có kiến thức và phương pháp cơ bản về giáo dục, chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non.	điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên. - Có sân chơi và thiết bị chơi ngoài trời (trên lầu, dưới nhà) và các trò chơi với cát, đất, sỏi, nước. - Có bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây. 2. Môi trường xã hội - Môi trường chăm sóc giáo dục đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. - Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh. - Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của GV đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo. - Giáo viên đảm bảo có nghiệp vụ sư phạm, đạt và trên chuẩn đào tạo, có kiến thức và phương pháp cơ bản về giáo dục, chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non.
--	--	---

Quận 1, ngày 01 tháng 11 năm 2021



Nguyễn Thị Diễm Kim

BIỂU MẪU 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HỒNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021 - 2022

Đơn vị tính: trẻ em

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			6-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	210			27	52	66	65
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	210			27	52	66	65
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	00			0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	210			27	52	66	65
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	210			27	52	66	65
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	210			27	52	66	65
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	210			27	52	66	65
1	Kênh bình thường	210			27	52	66	65
2	Kênh dưới -2	00			0	0	0	0
3	Kênh dưới -3	00			0	0	0	0
4	Kênh trên +2	00			0	0	0	0
5	Kênh trên +3	00			0	0	0	0
6	Phân loại khác(Trẻ thừa	Vắng			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng

	cân)							
7	Số trẻ em suy dinh dưỡng	Vắng			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
8	Số trẻ em béo phì	Vắng			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
9	Suy dinh dưỡng chiều cao	Vắng			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
10	Thẻ còi	Vắng			Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	210						
1	Đối với nhà trẻ							
a	Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-36 tháng							
b	Chương trình giáo dục mầm non - Chương trình giáo dục nhà trẻ	27			27			
2	Đối với mẫu giáo							
a	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo							
b	Chương trình 26 tuần							
c	Chương trình 36 buổi							
d	Chương trình giáo dục mầm non- Chương trình giáo dục mẫu giáo	183				52	66	65

Quận 1, ngày 01 tháng 11 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Diễm Kim

BIỂU MẪU 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HỒNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2021 - 2022**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	Số m²/trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	575	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	139.3	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	564	2.2 m ² / trẻ em
2	Diện tích phòng chức năng		
	+ Thể dục:	47.36	
	+ Âm nhạc:	45.6	
	+ Vật lý trị liệu (phòng trẻ mệt):	28.05	
3	Diện tích phòng ngủ (m ²)	564	2.2 m ² / trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	43.8	
5	Phòng nhân viên	16.28	
6	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	63	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		Số bộ/nhóm (lớp)

	(Đơn vị tính: bộ)		Từ 28 - 33 bộ /lớp			
VII I	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)					
	- Máy vi tính	9				
	- Máy chiếu	1				
	- Máy in vi tính	5				
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Ti vi	9	1cái / 1 lớp			
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	2				
3	Máy photo	1				
5	Cassette	0				
6	Đầu Video/đầu đĩa	0				
7	Đồ chơi ngoài trời	24				
8	Bàn ghế đúng quy cách	Bàn HS: 155 Ghế HS: 310 Bàn GV: 20 Ghế GV: 40 Bàn- ghế GV ở lớp: 9 bộ	GB: 15 bộ. Mâm 1, Mâm 2, Mâm 3, Chòi 2: 15bộ/01 nhóm (lớp) Chòi 1, Chòi 3, lá 1, lá 2: 20 bộ/ 01 nhóm (lớp)			
9	Thiết bị khác...	0				
		Số lượng (m ²)				
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	9			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây		x

Quận 1, ngày 01 tháng 11 năm 2021



Nguyễn Thị Diễm Kim

BIỂU MẪU 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

TRƯỜNG MẦM NON TUỔI HỒNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 – 2022

S T T	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và theo ND 116 (Biên chế, HĐ làm việc ban đầu, làm việc có thời hạn, không thời hạn)	Các hợp đồng khác (HĐ làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, HĐ theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
A	Tổng số CBQL, GV, NV	28	27	09		02	18	01		07	
I	Giáo viên	16	16				16				
II	Cán bộ quản lý	03	03			02	01				
1	Hiệu trưởng	01	01			01					
2	Phó hiệu trưởng	02	02			01	01				
III	Nhân viên	09		09				01		07	
1	Nhân viên văn thư	01		01			01				
2	Nhân viên kế toán	01		01				01			
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế										
5	Nhân viên khác	07		07						07	
	- Cấp dưỡng	03		03						03	

- Vệ sinh	02		02					02	
- Bảo vệ	02		02					02	
- Nhân viên nuôi dưỡng									

Quận 1, ngày 01 tháng 11 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Diễm Kim